

## THỰC TRẠNG GIAO DỊCH CÔNG CỤ PHÁI SINH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Nguyễn Trọng Nghiệp\*, Nguyễn Hoàng Thanh Trúc\*\*, Huỳnh Minh Đoàn\*\*,  
Thái Thanh Thu\*\*, Nguyễn Thị Ngọc Anh\*\*, Lê Thị Xuyên\*\*

### TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu là tìm hiểu về thực trạng giao dịch công cụ phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay. Số liệu được thu thập từ báo cáo thường niên của 6 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2017 để thấy được doanh số giao dịch của các sản phẩm phái sinh. Từ đó đánh giá những điểm đạt được và những hạn chế về thực trạng giao dịch công cụ phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

### ABSTRACT

The objective of the research is to understand the current situation of the derivatives transaction in Vietnamese commercial banks. Research data were collected from the annual reports of six banks: ACB, BIDV, Eximbank, Vietcombank, Vietinbank, Techcombank from 2009 to 2017 to know transaction turnover of derivative instruments. Based on the results, research shows the advantages and limitations of derivatives transaction in Vietnamese commercial banks.

### 1. Giới thiệu

Hiện nay, trên thị trường tài chính quốc tế các công cụ phái sinh đã phát triển rất mạnh mẽ với các nghiệp vụ phái sinh rất đa dạng. Sở dĩ nó phát triển thành công là do sử dụng nghiệp vụ này đem lại lợi ích cho các thành viên trên thị trường. Sử dụng nghiệp vụ tài chính phái sinh mang lại lợi ích cho các thành viên: đối với người đầu tư phải đối diện với những rủi ro do biến động giá cả của sản phẩm nên họ phải sử dụng nghiệp vụ phái sinh để giảm thiểu hoặc loại

bỏ rủi ro; đối với người đầu cơ lại muốn đánh cược trên những biến động giá cả của sản phẩm nên họ dùng nghiệp vụ này như một đòn bẩy....

Có thể nói những lợi ích mà giao dịch của các công cụ phái sinh mang lại rất nhiều. Tuy nhiên, để đưa các loại công cụ phái sinh vào triển khai thực tiễn và khuyến khích các đối tượng khách hàng sử dụng nó hiệu quả là điều không dễ dàng. Xuất phát từ những điều trên, cũng như nhận thấy đây là vấn đề mang tính thời sự trong bối cảnh hội nhập của nước ta hiện nay nên chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu **Thực trạng giao dịch công cụ phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.**

\* Thạc sĩ - Giám đốc Ngân hàng nhà nước tỉnh Vĩnh Long

\*\* Thạc sĩ - Trường Đại học Cửu Long

## 2. Thực trạng giao dịch các công cụ phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Bên cạnh các nghiệp vụ mang tính truyền thống, các ngân hàng đã không ngừng phát triển các nghiệp vụ mới, hiện đại, trong đó phải kể đến các công cụ phái sinh như các giao dịch, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi, hợp đồng quyền chọn và hợp đồng tương lai. Đây là những công cụ tài chính có thể đem lại lợi nhuận rất cao cho ngân hàng, nhưng khi tham gia hoạt động kinh doanh này cũng chứa đầy những rủi ro cho ngân hàng. Vì vậy, mặc dù trên các thị trường quốc tế, các công cụ này đã được triển khai và phát triển, nhưng tại Việt Nam số lượng ngân hàng thương mại thực hiện giao dịch các hợp đồng phái sinh còn rất khiêm tốn và với tỷ trọng còn rất thấp.

### Giao dịch kỳ hạn

Tại Việt Nam giao dịch kỳ hạn xuất hiện với tư cách là công cụ tài chính phái sinh đầu

tiên theo Quyết định số 65/1999/QĐ-NHNN7 ngày 25/2/1999. Nên kiến thức về lợi ích của hợp đồng kỳ hạn còn rất hạn chế. Những chủ thể tham gia còn mỏng, nhận thức về khoản lợi thu được từ thực hiện nghiệp vụ này của các tổ chức trung gian còn nhiều điều bất cập nên không thúc đẩy việc thực hiện công cụ này.

Tài sản cơ sở của hợp đồng kỳ hạn rất phong phú và đa dạng. Nhưng do còn thiếu văn bản pháp lý quy định và điều chỉnh; nên tại Việt Nam, hợp đồng kỳ hạn hầu như chỉ thực hiện với tài sản cơ sở là các sản phẩm ngoại hối.

Theo số liệu thu thập từ báo cáo thường niên của 6 ngân hàng thương mại là Vietinbank, Vietcombank, Techcombank, Eximbank, BIDV và ACB trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2017, thì ngân hàng Techcombank có doanh số thực hiện hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là cao nhất đạt 98.203.380 triệu đồng; Vietinbank có doanh số thực hiện hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là thấp nhất đạt 437.355 triệu đồng trong nhóm các NHTM mà nhóm tác giả đã chọn khảo sát.

**Bảng 1: Doanh số thực hiện Giao dịch kỳ hạn tiền tệ tại một số NHTM VN**  
(Đơn vị tính: triệu đồng)

NĂM	VIETINBANK	VIETCOMBANK	TECHCOMBANK	EXIMBANK	ACB	BIDV
NĂM 2009	75.228	-	4.499.307	2.621.518	1.600.673	1.241.825
NĂM 2010	2.184	145.704	2.868.925	535.016	22.577.199	817.276
NĂM 2011	650	1.564.226	4.309.048	20.662.606	53.445.556	2.316.349
NĂM 2012	60.108	17.968.332	5.367.405	7.066.341	253.000	4.198.272
NĂM 2013	78.808	10.817.048	8.293.520	11.847.527	450.959	9.017.220
NĂM 2014	-	8.168.235	17.133.993	6.155.514	769.174	2.808.169
NĂM 2015	-	7.784.153	14.453.007	3.809.583	157.743	3.272.145
NĂM 2016	184.888	2.314.850	23.144.183	475.481	281.513	3.106.017
NĂM 2017	35.489	6.863.062	18.133.992	12.432.963	4.176.256	4.660.621
<b>TỔNG</b>	<b>437.355</b>	<b>55.625.610</b>	<b>98.203.380</b>	<b>65.606.549</b>	<b>83.712.073</b>	<b>31.437.894</b>

Nguồn: Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam

### Giao dịch tương lai

Giao dịch tương lai không được các ngân hàng thương mại Việt Nam sử dụng nhiều như các giao dịch phái sinh khác trong mục đích phòng vệ. Giao dịch tương lai chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam hiện nay là các giao dịch tương lai hàng hóa mà các ngân hàng thương mại làm trung gian.

Tháng 9/2004, ngân hàng nhà nước đã cho phép Ngân hàng TMCP Kỹ thương thực hiện giao dịch hợp đồng tương lai trên thị trường hàng hóa. Ngân hàng TMCP Kỹ thương là ngân hàng Việt Nam đầu tiên cung cấp dịch vụ này với mục đích hỗ trợ khách hàng trong việc quản trị rủi ro, hạn chế tối đa mức thua lỗ có thể có, đảm bảo được lợi nhuận cũng như tiếp cận với các phương thức kinh doanh hiện đại của các thị trường lớn trên thế giới. Đối tượng khách hàng của Ngân hàng TMCP Kỹ

thương là các doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyên sản xuất, xuất khẩu hàng hóa (hàng nông sản như cà phê, chè, lương thực,...). Bên cạnh đó Ngân hàng TMCP Kỹ thương cũng ký kết hợp đồng tương lai hàng hóa với các doanh nghiệp chuyên nhập khẩu các mặt hàng như sắt, thép, dầu,...

Cùng với Ngân hàng TMCP Kỹ thương, có một số ngân hàng cũng cung cấp hợp đồng tương lai như Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Tuy nhiên, dù cũng đã có hợp đồng được ký kết, đây vẫn còn là một nghiệp vụ chưa được phổ biến và phát triển mạnh tại các ngân hàng này. Tại Ngân hàng TMCP Á Châu chỉ phát sinh giao dịch tương lai trị giá 3.170.454 triệu đồng vào năm 2009. Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chỉ phát sinh giao dịch tương lai trị giá 2.981.000 triệu đồng vào năm 2013.

**Bảng 2. Doanh số thực hiện Giao dịch tương lai tại một số NHTM VN**  
(Đơn vị tính: triệu đồng)

NĂM	VIETINBANK	VIETCOMBANK	TECHCOMBANK	EXIMBANK	ACB	BIDV
NĂM 2009	0	0	7.998.151	0	3.170.454	0
NĂM 2010	0	0	3.997.265	0	0	0
NĂM 2011	0	0	2.006.195	0	0	0
NĂM 2012	0	0	1.519.513	0	0	0
NĂM 2013	2.981.000	0	0	0	0	0
NĂM 2014	0	0	0	0	0	0
NĂM 2015	0	0	0	0	0	0
NĂM 2016	0	0	0	0	0	0
NĂM 2017	0	0	0	0	0	0
<b>TỔNG</b>	<b>2.981.000</b>	<b>0</b>	<b>15.521.124</b>	<b>0</b>	<b>3.170.454</b>	<b>0</b>

Nguồn: Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam

### Giao dịch quyền chọn

Các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ quyền chọn từ năm 2003 nhưng cho đến nay loại hình này vẫn chưa phát triển mạnh. Đến ngày 18/3/2009 theo Công văn số 1820/NHNN-QLNH của Ngân hàng Nhà nước thì nghiệp vụ quyền chọn tiền đồng dừng thí điểm từ ngày 23/3/2009. Các ngân hàng như Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP

Xuất Nhập khẩu Việt Nam dù là những ngân hàng tham gia các nghiệp vụ này từ rất sớm nhưng chỉ có Ngân hàng TMCP Á Châu thực hiện được nhiều hợp đồng, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam chỉ phát sinh giao dịch quyền chọn vào năm 2008 với giá trị giao dịch khá khiêm tốn là 11.709 triệu đồng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong những năm gần đây không phát sinh giao dịch liên quan đến hợp đồng quyền chọn.

**Bảng 3. Doanh số thực hiện Giao dịch quyền chọn tại một số NHTM VN**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

NĂM	VIETINBANK	VIETCOMBANK	TECHCOMBANK	EXIMBANK	ACB	BIDV
NĂM 2009	0	0	0	0	132.340	0
NĂM 2010	0	0	0	0	33.399.926	0
NĂM 2011	0	0	0	0	100.386.315	0
NĂM 2012	0	0	0	0	0	0
NĂM 2013	0	0	0	0	442.687	0
NĂM 2014	0	0	0	0	2.201.678	0
NĂM 2015	0	0	0	0	1.955.289	0
NĂM 2016	0	0	0	0	2.215.239	0
NĂM 2017	10.764	0	0	0	1.178.181	0
<b>TỔNG</b>	<b>10.764</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>141.911.709</b>	<b>0</b>

Nguồn: Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam

### Giao dịch hoán đổi

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều tổ chức kinh doanh giao dịch hoán đổi, các tổ chức kinh doanh giao dịch hoán đổi thường giao dịch chủ yếu trên thị trường OTC. Các tổ chức thực hiện các hợp đồng hoán đổi chủ yếu là các ngân hàng, như ngân hàng TMCP Á Châu, ngân hàng TMCP Eximbank, ngân hàng TMCP Đầu

tư và Phát triển Việt Nam,.... Nhìn vào bảng 4 cho thấy trong những năm gần đây giá trị giao dịch hoán đổi tiền tệ ngày càng tăng. Trong đó tổng giá trị giao dịch giai đoạn 2009 - 2017 của ngân hàng Techcombank là cao nhất đạt 235.625.593 triệu đồng, giai đoạn 2009 - 2017 thì ngân hàng Vietinbank có tổng giá trị giao dịch thấp nhất là 1.058.404 triệu đồng.

**Bảng 4. Doanh số thực hiện Hợp đồng hoán đổi tiền tệ tại một số NHTM VN**  
(Đơn vị tính: triệu đồng)

NĂM	VIETINBANK	VIETCOMBANK	TECHCOMBANK	EXIMBANK	ACB	BIDV
NĂM 2009	0	3.670.400	1.365.016	2.062.703	1.348.775	5.435.679
NĂM 2010	17.058	785.568	2.919.076	1.491.926	2.913.464	785.700
NĂM 2011	19.586	2.678.869	978.992	8.322.189	1.631.731	1.295.881
NĂM 2012	14.343	11.506.397	7.663.939	2.556.631	1.067.925	3.114.005
NĂM 2013	82.545	9.302.023	8.760.283	4.697.206	2.049.180	3.357.374
NĂM 2014	0	8.171.486	26.040.947	9.633.883	1.838.997	6.710.101
NĂM 2015	0	8.944.224	22.618.252	15.942.587	2.545.303	6.190.455
NĂM 2016	497.802	21.388.496	52.521.119	10.275.173	4.929.851	11.413.525
NĂM 2017	427.070	59.934.601	112.757.969	30.944.269	15.171.142	26.263.617
<b>TỔNG</b>	<b>1.058.404</b>	<b>126.382.064</b>	<b>235.625.593</b>	<b>85.926.567</b>	<b>33.496.368</b>	<b>64.566.337</b>

*Nguồn: Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam*

### 3. Đánh giá thực trạng giao dịch công cụ phái sinh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

#### Những kết quả đạt được

*Góp phần phổ biến công cụ phái sinh cho doanh nghiệp trong nước:* Bằng việc cung cấp các giao dịch phái sinh cho khách hàng để thu về lợi nhuận, các ngân hàng thương mại Việt Nam đã đưa các công cụ tài chính phái sinh lại gần hơn với các doanh nghiệp Việt Nam. Các ngân hàng thương mại Việt Nam đã và đang làm tốt vai trò của mình, giúp các doanh nghiệp biết cách sử dụng công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro và kiếm lợi nhuận cho mình.

*Tăng cạnh tranh giữa các ngân hàng, thúc đẩy hoạt động dịch vụ của ngân hàng thương mại phát triển phong phú, đa dạng:* Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế, không chỉ các doanh nghiệp mà các ngân hàng cũng cạnh tranh nhau gay gắt. BIDV là ngân

hàng đầu tiên ở Việt Nam cung cấp hợp đồng hoán đổi.

Một thời gian sau, một loạt các ngân hàng cùng cung cấp loại hợp đồng này. Cũng như thế, Eximbank tiên phong sử dụng và cung ứng hợp đồng quyền chọn, và bây giờ Eximbank không phải là ngân hàng duy nhất ở Việt Nam cung ứng loại hình dịch vụ này. Điều này có nghĩa là, các ngân hàng đã, đang và sẽ học hỏi ở nhau để cung ứng các loại hình dịch vụ thích hợp, tăng tính cạnh tranh cho riêng mình.

*Phòng ngừa rủi ro cho ngân hàng, doanh nghiệp, góp phần bình ổn nền kinh tế:* Trong những năm khủng hoảng kinh tế trầm trọng như năm 2007, 2008, 2009, có thể thấy các doanh nghiệp đứng trước những thách thức rất lớn về rủi ro lãi suất cũng như rủi ro tỷ giá. Nhờ sử dụng các loại công cụ phái sinh trên thị trường quốc tế, cũng như dịch vụ phái sinh trong nước của ngân hàng cung cấp mà các doanh nghiệp đã phòng ngừa được những rủi

ro biến động không mong muốn. Bằng việc cung cấp các nghiệp vụ phái sinh cho doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại đã cho thấy vai trò, tác dụng của công cụ phái sinh, giúp bình ổn, bảo vệ nền kinh tế. Bên cạnh đó các sản phẩm phái sinh cũng góp phần cho ngân hàng phòng chống rủi ro trên thị trường liên ngân hàng.

### Những tồn tại

*Thứ nhất*, đối tượng tham gia là rất ít. Hoạt động giao dịch chỉ có thể được tiến hành một cách sôi động khi có nhiều chủ thể tham gia trên thị trường với sự đa dạng về nhu cầu. Các ngân hàng sẽ là những trung gian dàn xếp để đáp ứng các nhu cầu đa dạng đó theo nguyên tắc thương mại và thị trường.

*Thứ hai*, quy mô các hợp đồng vẫn còn nhỏ. Hiện nay, tuy chưa có số liệu thống kê chính xác về quy mô của các giao dịch nhưng chúng ta vẫn có thể hình dung được sự nhỏ bé của nó dựa trên thực tế là các giao dịch giao ngay vẫn đang đóng vai trò chủ đạo trong tổng số giao dịch của các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với ngân hàng. Do mức độ giao dịch và khối lượng giao dịch còn nhỏ nên nhiều khi các ngân hàng phải từ chối giao dịch với khách hàng do không đủ lượng để giao dịch từng lần với các khách hàng đối tác ở nước ngoài (thường tối thiểu là 100.000 EUR/giao dịch).

*Thứ ba*, các giao dịch phái sinh vẫn chưa xuất hiện ở một số ngân hàng và phát triển khá khiêm tốn ở một vài ngân hàng với doanh số chưa đáng kể so với doanh số nghiệp vụ truyền thống.

### Nguyên nhân

*Về cách tính phí quyền chọn*: Trên thị trường ngoại hối, đối với quyền chọn ngoại tệ, hiện nay hầu hết các ngân hàng ở Việt Nam vẫn chưa thể tự mình đứng ra phát hành hay cung cấp các quyền chọn ngoại tệ trực tiếp cho khách hàng, mà chỉ đóng vai trò như một trung gian môi giới quyền chọn giữa các ngân hàng lớn khác và khách hàng. Vì thế các ngân hàng muốn có lợi nhuận thì tiền phí (giá) của quyền chọn ngoại tệ tính cho khách hàng phải theo công thức: *Giá (phí) quyền chọn ngoại tệ tính cho khách hàng = Giá phí quyền chọn ngoại tệ mua của các ngân hàng đối tác (trong và ngoài nước) + chi phí để phục vụ hợp đồng quyền chọn ngoại tệ này + khoảng chênh lệch lợi nhuận cho ngân hàng*. Cách tính phí (giá) quyền chọn như trên đã làm đội chi phí thực hiện một hợp đồng quyền chọn ngoại tệ của khách hàng. Điều này trở thành một lực cản cho các giao dịch quyền chọn phát triển ở Việt Nam.

*Sự điều tiết tỷ giá USD/VND*: Trên thị trường ngoại hối, tỷ giá USD/VND không biến động mạnh, do có sự điều tiết từ phía Ngân hàng Nhà nước khiến cho tỷ giá ổn định theo chiều hướng đi lên để khuyến khích xuất khẩu. Với xu hướng tỷ giá này, các nhà đầu tư luôn muốn thực hiện quyền chọn mua ngoại tệ để kiếm lợi nhuận chứ không mua quyền chọn bán. Do đó, từ sự giao dịch một chiều này sẽ tạo ra những rủi ro cho ngân hàng khi bán quyền chọn ngoại tệ. Để giảm rủi ro, ngân hàng phải tăng phí bán quyền chọn khiến cho quyền chọn càng không có điều kiện thực hiện và không còn muốn mua quyền chọn nữa. Vòng luẩn quẩn này gây khó khăn cho cả nhà đầu tư và phía ngân hàng.

*Quy mô doanh nghiệp:* Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tại thời điểm 1/1/2017 thì số lượng doanh nghiệp vừa & nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tới 74% tổng số doanh nghiệp nước ta hiện nay. Với quy mô không lớn thì liệu các công ty này có nên đầu tư vào quản trị tài chính hay không, họ phải tính toán, cân đối lợi ích mang lại và chi phí bỏ ra để duy trì công việc này, chứ không phải như các công ty lớn thì đây lại là yếu tố cần thiết, đôi khi còn là sự sống còn của công ty, tập đoàn.

*Công tác tuyên truyền quảng cáo chưa hiệu quả:* Để khách hàng biết đến các công cụ phái sinh cũng như vai trò của nó trong việc phòng ngừa rủi ro hay kinh doanh sinh lợi thì công tác tuyên truyền, tiếp thị quảng cáo của các ngân hàng thương mại là một việc làm không thể thiếu. Tuy nhiên, đa số các ngân hàng chưa giới thiệu rộng rãi các sản phẩm phái sinh mà ngân hàng mình đang cung ứng tới khách hàng cá nhân, doanh nghiệp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Loan, *Phát triển công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam*, Tạp chí Tài chính kỳ 1 số tháng 7-2013.
2. Nguyễn Thị Nhung, Trần Thị Minh Tuyền, *Ứng dụng các công cụ phái sinh trong quản lý rủi ro lãi suất tại các ngân hàng thương mại*, Tạp chí Phát triển & Hội nhập, Số 15 - Tháng 03-04/2014.
3. Nguyễn Thị Ngọc Trang (2007), *Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Thống kê.
4. Nguyễn Văn Tiến (2006), *Cẩm nang Thị trường ngoại hối và các giao dịch kinh doanh ngoại hối*, NXB Thống kê.

*Ngày nhận bài: 6/7/2018*

*Ngày gửi phản biện: 10/7/2018*